

Số: 23/BC-UBND

Tân Linh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính Quý I năm 2025; Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2025 của UBND huyện Đại Từ về thực hiện CCHC nhà nước huyện Đại Từ năm 2025, UBND xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2025 về thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã Tân Linh.

2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành: UBND xã đã ban hành 22 văn bản chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện công tác CCHC nhà nước trên địa bàn xã.

- Tổ chức các hội nghị giao ban triển khai về công tác CCHC: 03 hội nghị

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC: Ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 20/02/2025 phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2025

- Những sáng kiến, cách làm hay trong công tác cải cách hành chính.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Việc xây dựng và ban hành văn bản tuyên truyền cải cách hành chính: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 10/3/2025 truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 13/3/2025 tuyên truyền CCHC năm 2025

- Kết quả thực hiện: 03 tin, bài về CCHC, tổ chức tuyên truyền trên Trạm truyền thanh xã, cụm loa truyền thanh các xóm, ngoài ra thực hiện tuyên truyền tại các hội nghị của xã 08 lượt.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế

- Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền: Quý I năm 2025, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 23/01/2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn xã Tân Linh.

- Kết quả tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: 05 cuộc/160 người tham gia.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC

- Việc ban hành văn bản rà soát, đánh giá TTHC tại cơ quan: UBND xã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 17/02/2025 rà soát đánh giá TTHC năm 2025.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: Thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo công tác kiểm soát TTHC. UBND xã ban hành Công văn số 53/UBND-VP ngày 03/3/2025 chấn chỉnh việc thực hiện công tác tiếp công dân, CCHC, thực thi công vụ và công khai dân chủ.

2.2. Việc công khai TTHC

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức phụ trách các lĩnh vực công việc chủ động rà soát, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại bộ phận Một cửa, tại trụ sở cơ quan để các tổ chức và công dân biết, hiểu về các trình tự giải quyết TTHC.

2.3. Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

- Thông báo lịch tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý. UBND xã ban hành Thông báo số 07/TB-UBND ngày 07/01/2025 phân công công chức trực tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

- Thông báo số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh kiến nghị về thực thi công vụ của lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên. Được niêm yết công khai, kịp thời tại trụ sở UBND xã

- Thông báo số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh kiến nghị về thực thi công vụ xã Tân Linh. UBND xã ban hành Thông báo số 14/TB-UBND ngày 10/02/2024 đường dây nóng tiếp nhận kiến nghị, phản ánh thực hiện công vụ của lãnh đạo UBND xã

Trong quý I năm 2025 không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân về giải quyết TTHC.

2.4. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ:

- Cán bộ, công chức thực hiện số hóa hồ sơ bằng phương pháp scan, chữ ký số. Thời điểm báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 14/3/2025 đã số hóa 290/290 hồ sơ, đạt 100%

2.5. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: (Thời điểm báo cáo: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 14/3/2025):

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 305 hồ sơ, trong đó: Kỳ trước chuyển sang là 06 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp 0 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến 299 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết: 296 hồ sơ, trong đó: Giải quyết trước hạn 89, đúng hạn 206 hồ sơ, quá hạn 01;

- Số hồ sơ đang giải quyết: 09 hồ sơ, đều là hồ sơ chưa tới hạn

- Tại Quyết định số 7776/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Đại Từ về việc xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính nhà nước của UBND các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Đại Từ năm 2024, UBND xã Tân Linh được xếp hạng đạt loại: Tốt (84,5 điểm)

- Bố trí phòng và trang thiết bị làm việc đảm bảo cho cán bộ công chức thi hành nhiệm vụ, bố trí chỗ ngồi chờ cho người dân, doanh nghiệp, có vị trí để người dân khai hồ sơ, bố trí niêm yết công khai thủ tục hành chính và các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc của Bộ phận một cửa như: 02 máy Scan, 05 máy tính, 03 máy in, 01 hệ thống camera giám sát được kết nối theo quy định, 01 bộ máy tính phụ vụ người dân.

- Sử dụng thống nhất phần mềm một cửa do UBND tỉnh cấp.

- Tình hình biên động, bố trí cán bộ (*tổng số cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả*): UBND ban hành Quyết định kiện toàn bộ phận Một cửa phân công cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gồm 09 cán bộ, công chức (02 lãnh đạo, 07 cán bộ, công chức).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Biên chế theo Nghị định số: 33/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

- Xã Tân Linh là xã loại I là: Biên chế 22 người, hiện có 21 người. Trong đó xã còn 19 cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ trực tiếp tại xã (02 công chức đang biệt phái tại huyện)

- Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn: $11/11 = 100\%$, công chức: $08/08 = 100\%$

- Thường xuyên đổi mới phương thức, lề lối làm việc, chương trình công tác theo từng tháng, quý, năm; chương trình giao ban của UBND.

- Tổ chức bộ máy đã được nâng cao về chất lượng và trình độ. Nhiệm vụ cụ thể của lãnh đạo UBND xã, các ngành chuyên môn thuộc UBND xã, trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của bộ phận chuyên môn trong việc tiếp dân, giải quyết các thủ tục hành chính đã được quy định rõ trong quy chế.

4. Cải cách chế độ công vụ.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức: Thạc sỹ 02/19; Đại học: 16/19; Cao đẳng 01/19.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao, tăng cường tính chuyên nghiệp hóa của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công tác.

5. Cải cách tài chính công.

- Công khai và thực hiện đúng chế độ chính sách được hưởng đối với cán bộ, công chức. Phối hợp tổ chức hội nghị cán bộ, công chức năm 2025, tại hội nghị đã công khai đầy đủ các văn bản theo quy định như quy chế chi tiêu nội bộ.

- Thực hiện nghiêm túc văn bản pháp quy về công khai dự toán và quyết toán xây dựng các công trình, mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính phủ số.

- Kết quả tham mưu xây dựng văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách quy định về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2025 chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Tân Linh năm 2025.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: UBND xã đã triển khai đồng bộ các biện pháp như: Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản phục vụ công tác quản

lý, điều hành của lãnh đạo. Với máy tính kết nối Internet, sử dụng các phần mềm quản lý. Trên cơ sở đó, đối với hồ sơ đủ điều kiện sẽ được xem xét, giải quyết ngay trong ngày làm việc hoặc trước thời gian quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện sẽ được hướng dẫn bổ sung và tiếp nhận giải quyết khi công dân hoàn thiện giấy tờ theo quy định, không để hồ sơ tồn đọng.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Hoàn thiện việc nhập liệu thông tin công dân trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu về bảo hiểm, cung cầu lao động, tài chính, cơ sở dữ liệu hộ tịch toàn quốc,...

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình, nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: UBND xã đã triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; phần mềm Một cửa điện tử đến toàn thể cán bộ, công chức xã; các phòng làm việc đã được trang bị đầy đủ máy tính có kết nối internet để trao đổi công việc, cán bộ, công chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản, ứng dụng zalo để trao đổi công việc.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: Bố trí 01 phòng làm địa điểm tiếp công dân, tại địa điểm tiếp công dân của xã được trang bị cơ bản đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác tiếp công dân, tại đây có niêm yết đầy đủ quy trình các thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiếp công dân, có lịch trực tiếp công dân.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Không

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4: Tiếp tục thực hiện dịch vụ trực công trực tuyến trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC. Thực hiện đồng bộ kết nối hệ thống điện tử theo dõi tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cung cấp và tích hợp cổng thanh toán điện tử tích hợp trạng thái luân chuyển hồ sơ dịch vụ bưu chính với Cổng dịch vụ công trực tuyến. Duy trì áp dụng, tổ chức đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 gắn với TTHC; sử dụng chữ ký số vào hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Phát huy hiệu quả trên hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến UBND cấp huyện và UBND cấp xã, rút ngắn thời gian hội họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

- Tình hình tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích: Không có.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được:

- Quý I năm 2025, công tác cải cách hành chính của xã Tân Linh đã được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến xã đối với công tác cải cách hành chính góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy chính quyền. Ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành kế hoạch và triển khai về công tác CCHC cụ thể.

- Môi quan hệ giữa cơ quan hành chính với người dân được cải thiện một bước đáng kể thông qua các biện pháp như cải cách thủ tục hành chính gắn với việc thực hiện cơ chế một cửa, công khai minh bạch các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, thời gian giải quyết theo yêu cầu của tổ chức và người dân được rút ngắn, tạo thuận lợi trong giao dịch hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà

nước với người dân việc thực hiện giải quyết công việc theo cơ chế một cửa đã giúp cho công dân, tổ chức đến liên hệ giải quyết công việc được thuận lợi nhanh chóng.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

- Hệ thống phần mềm giữa Bộ Tư pháp và dịch vụ công có lúc chưa được thông suốt, có trường hợp chờ rất lâu mới lấy được mã định danh để thực hiện hoàn thiện hồ sơ cho công dân

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ Đề án trong công tác CCHC trên địa bàn xã giai đoạn 2021-2026, Kế hoạch công tác CCHC nhà nước năm 2025 và các nhiệm vụ tiếp theo.

2. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện các nhiệm vụ công tác CCHC.

3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo đúng Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý văn bản liên thông, chữ ký số vào hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

5. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức chấp hành kỷ cương, kỷ luật trong thực thi công vụ.

6. Tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2023 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia, giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh về chuyển đổi số. Triển khai, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, Chương trình hành động số 08-CTr/HU ngày 08/02/2021 về thực hiện Nghị quyết số 01- NQ TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

7. Tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo kế hoạch của cấp trên.

Trên đây là báo cáo của UBND xã Tân Linh về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính Quý I năm 2025

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện;
- Đảng ủy; TTHĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- CBCC xã;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Xuân Tuyến

**DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
XÃ TÂN LINH NĂM 2025**

TT	Nội dung	Ghi chú
I	NGHỊ QUYẾT	
1.	Nghị quyết Số 194-NQ/ĐU ngày 02/01/2024 của Đảng ủy lãnh đạo công tác chuyển đổi số năm 2025	
2.	Nghị quyết Số 195-NQ/ĐU ngày 02/01/2024 của Đảng ủy lãnh đạo thực hiện công tác CCHC năm 2025	
II	KẾ HOẠCH	
1.	Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2025 thực hiện CCHC năm 2025 trên địa bàn xã Tân Linh	
2.	Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2025 chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Tân Linh năm 2025	
3.	Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 17/02/2025 rà soát đánh giá TTHC năm 2025	
4.	Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 17/02/2025 tổ chức tự kiểm tra thực hiện công vụ và cải cách hành chính năm 2025	
5.	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 20/02/2025 phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2025	
6.	Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 10/3/2025 truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025	
7.	Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 13/3/2025 tuyên truyền CCHC năm 2025	
III	QUYẾT ĐỊNH	
1.	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 kiện toàn BCĐ công tác CCHC	
2.	Quyết định số 08/QĐ-BCĐCCHC ngày 09/01/2025 ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ CCHC	
3.	Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 phân công công chức kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số	
4.	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 phân công Chủ tịch UBND xã trực tiếp phụ trách công tác CCHC	

5.	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2025	
6.	Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 thành lập Tổ công tác kiểm tra thực hiện công vụ và CCHC	
IV	CÔNG VĂN	
1.	Công văn số 03/UBND-VP ngày 04/01/2025 sắp xếp hồ sơ tài liệu, phòng làm việc	
2.	Công văn số 26/UBND-VP ngày 22/01/2025 thực hiện chế độ báo cáo	
3.	Công văn số 53/UBND-VP ngày 03/3/2025 chấn chỉnh việc thực hiện công tác tiếp công dân, CCHC, thực thi công vụ và công khai dân chủ	
4.	Công văn số 63/UBND-VP ngày 10/3/2025 chấn chỉnh việc thực hiện chế độ hội họp và thực thi công vụ	
V	BÁO CÁO	
1.	Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 14/3/2025 kết quả công tác CCHC Quý I năm 2025	
2.	Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 14/3/2025 công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC Quý I năm 2025	
VI	THÔNG BÁO	
1.	Thông báo số 01/TB-UBND ngày 02/01/2025 phân công lãnh đạo UBND xã trực ngày thứ 7 và chủ nhật	
2.	Thông báo số 07/TB-UBND ngày 07/01/2025 phân công công chức trực tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	
3.	Thông báo số 14/TB-UBND ngày 10/02/2024 đường dây nóng tiếp nhận kiến nghị, phản ánh thực hiện công vụ của lãnh đạo UBND xã	
	GIẤY MỜI	
1	Giấy mời số 11/GM-TCT ngày 04/3/2025 mời tham gia kiểm tra thực hiện công vụ và CCHC	

PHỤ LỤC SỐ II
BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I, NĂM 2025

STT	Các chỉ tiêu (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	60	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	15	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	9/15	
1.2	Kiểm tra CCHC		1	
1.2.1	Số cuộc kiểm tra	%	25	
1.2.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%	100	
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	5	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	5	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao (nếu có)			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến= 0 Phát phiếu= 1 Kết hợp= 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không= 0 Có= 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp xã đã ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền		0	

2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%	0	
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã
3.1.	Thống kê TTHC		113	113 thủ tục
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	113	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	113	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục	21	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	97	
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục	97	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	58	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	04	
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục		
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	98	

Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	305	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	299	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục	16	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục	16	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	06	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện, cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, trước hạn	%	99,7%	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	296	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết trước hạn		89	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	206	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy	Không: 0, đã thực hiện: 1	1	
4.2	Số liệu về biên chế công chức		8	
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc (nếu có)	Người	0	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm	%	0	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 Cải cách chế độ công vụ	Người		
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		0	
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người	0	
5.4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	
Trong đó	Kế hoạch được giao	đồng	0	
	Đã thực hiện	đồng	0	
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN)		0	
6.2.1	ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		0	

6.2.2	ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên		0	
6.2.3	ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
Trong đó	<i>ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>			
	<i>ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>			
	<i>ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>			
6.2.4	ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			UBND xã, Văn phòng
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của huyện	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		928	
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%	100%	
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản	100%	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn	%	100%	

	bản giấy			
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Đã kết nối liên thông với Hệ thống	0	0	
7.6.2.	Chưa kết nối liên thông	1		